TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số**: 19**/2018/DS-ST
Ngày: 27/7/2018
V/v "Tranh chấp tài sản chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiếu**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đức Đẹp**

Ông **Ngô Tiến Thành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Võ Thu Thủy** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:

Ông **Lê Hoàng Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 193/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về "***Tranh chấp tài sản chung"*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST- DS ngày 27 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Đức H**
Địa chỉ thường trú: 272/58 T, phường 10, quận B, thành phố H.
Địa chỉ liên lạc: 171A T, Phường 13, quận T, thành phố H. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Huy C**
Địa chỉ: 17 Đ, phường T, thành phố T, tỉnh H. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **Nguyễn Chánh P**; địa chỉ: 77 H, phường T, thành phố T, tỉnh H. Có mặt
2. Bà **Đào Mộng L**; địa chỉ: 26C Q, phường T, thành phố T, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày: Tôi cùng bà Đào Mộng L, Nguyễn Chánh P và Nguyễn Đức C là những người cùng sở hữu quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 17 Đ, phường T, thành phố T, tỉnh H theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và Tài sản khác gắn liền với đất số BE 615546, BE 615545, BE 615543 và BE 615544, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00241/22366 do UBND thành phố Nha Trang cấp ngày 05/12/2011 (đăng ký thay đổi cho bà Đào Mộng L ngày 10/10/2016). Hiện nay, nhà và đất tại địa chỉ nêu trên đang do ông Nguyễn Đức C quản lý, sử dụng. Đã rất nhiều lần, chúng tôi ngồi lại với nhau để thỏa thuận việc chia tài sản nêu trên nhưng vẫn chưa tìm được tiếng nói chung cũng như không thể tự thỏa thuận được. Nay, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết chia tài sản chung là nhà và đất tại 17 Đ, phường T,

thành phố T, tỉnh H. Tôi yêu cầu chia đều tài sản chung trên cho 4 người chúng tôi. Tôi thống nhất giá trị nhà và đất là 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng) và xin được nhận giá trị tài sản chung bằng tiền là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày bổ sung: ông Nguyễn Đức C không đồng ý chia tài sản nói trên vì ông đang quản lý, sử dụng tài sản, là người được hưởng lợi từ việc quản lý, sử dụng tài sản này từ bấy lâu nay. Theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và Tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho chúng tôi thì thể hiện tài sản gồm có căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng là 171,8m^2 nằm trên diện tích đất là 250,3m^2. Tuy nhiên, kết quả đo vẽ, kiểm tra hiện trạng nhà đất nêu trên theo ranh giới đang quản lý dưới sự chứng kiến của chính quyền địa phương thì phát hiện có sự chênh lệch diện tích, cụ thể: diện tích nhà là 179.9m^2 và diện tích đất là 253.9m^2 (tăng thêm 3.6m^2). Chúng tôi khẳng định kết quả đo đạc theo đúng ranh giới chúng tôi đã sử dụng từ lâu, chứ không lấn chiếm của ai. Tôi yêu cầu Tòa giải quyết phần diện tích tăng thêm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, về giá trị, tôi thống nhất chia theo phần diện tích đã được nhà nước công nhận. Tôi yêu cầu tòa án chia tài sản trên làm 4 phần đều nhau cho 4 người chúng tôi. Tôi đồng ý giao hiện vật cho ông Nguyễn Chánh P theo nguyện vọng của ông P đã trình bày tại Tòa. Tôi không đồng ý giao hiện vật cho ông Nguyễn Đức C vì bấy lâu nay ông C quản lý, sử dụng, hưởng lợi từ hiện vật và cố ý không muốn chia tài sản gây thiệt hại đến quyền lợi của chúng tôi.

2. *Bị đơn, ông Nguyễn Đức C trình bày*:

Tôi xác nhận tôi là một trong bốn đồng sở hữu nhà và đất tại 17 Đ, phường T, thành phố T, tỉnh H. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Đức H tôi đồng ý. Tôi đồng ý chia tài sản trên đều cho 4 người và thống nhất giá trị tài sản là 20.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng). Tuy nhiên, về phương án nhận tài sản bằng tiền hay hiện vật thì tôi chưa thống nhất.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Mộng L trình bày:***

Chúng tôi gồm tôi, Nguyễn Đức H, Nguyễn Chánh P và Nguyễn Đức C là những người cùng sở hữu quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 17 Đ, phường T, thành phố T, tỉnh H. Hiện nay, nhà và đất tại địa chỉ nêu trên đang do ông Nguyễn Đức C quản lý, sử dụng. Đã rất nhiều lần, chúng tôi ngồi lại với nhau để thỏa thuận việc chia tài sản chung nhưng vẫn chưa không thành. Hiện nay, ông H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết chia tài sản chung là nhà và đất tại 17 Đ, phường T, thành phố T, tỉnh H tôi đồng ý và tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng thủ tục pháp luật. Tôi đồng ý chia tài sản trên đều cho 4 người và thống nhất giá trị tài sản là 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng). Tôi xin được nhận hiện vật và đồng ý thanh toán phần chênh lệch cho người khác bằng tiền.

Tại phiên tòa, bà Đào Mộng L trình bày: tôi thống nhất với toàn bộ phần trình bày của nguyên đơn về việc xác định hiện trạng nhà, đất kể cả phần diện tích tăng thêm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, phần tài sản để chia thì tôi đồng ý chỉ chia về giá trị trên phần diện tích được nhà nước công nhận nêu trong các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và Tài sản khác gắn liền với đất đã cấp. Tôi yêu cầu tòa án chia tài sản trên làm 4 phần đều nhau cho 4 người chúng tôi. Tôi

xin được nhận giá trị tài sản chung được chia bằng tiền và đồng ý giao hiện vật cho ông Nguyễn Chánh P được toàn quyền sở hữu, sử dụng.

4. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chánh P trình bày:***

Chúng tôi gồm tôi, Nguyễn Đức H, Đào Thị Mộng L và Nguyễn Đức C là những người cùng sở hữu quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 17 Đ, phường T, thành phố T, tỉnh H. Hiện nay, nhà và đất tại địa chỉ nêu trên đang do ông Nguyễn Đức C quản lý, sử dụng. Đã rất nhiều lần, chúng tôi ngồi lại với nhau để thỏa thuận việc chia tài sản chung nhưng vẫn chưa không thành. Hiện nay, ông H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết chia tài sản chung là nhà và đất tại 17 Đ, phường T, thành phố T, tỉnh H tôi đồng ý và tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng thủ tục pháp luật. Tôi đồng ý chia tài sản trên đều cho 4 người và thống nhất giá trị tài sản là 20.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng). Tôi xin được nhận hiện vật và đồng ý thanh toán phần chênh lệch cho người khác bằng tiền.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Chánh P trình bày: tôi thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn và bà Đào Mộng L về việc xác định hiện trạng nhà, đất kể cả phần diện tích tăng thêm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, phần tài sản để chia thì tôi đồng ý chỉ chia về giá trị trên phần diện tích được nhà nước công nhận nêu trong các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và Tài sản khác gắn liền với đất đã cấp. Tôi yêu cầu tòa án chia tài sản trên làm 4 phần đều nhau cho 4 người chúng tôi. Tôi xin được nhận hiện vật và đồng ý thanh toán các phần tài sản chung cho 3 người còn lại gồm có ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đức C và bà Đào Mộng L bằng tiền.

5. <u>Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang cho rằng</u>: nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia tài sản chung là nhà và đất tại 17 Đ, phường T, thành phố T, tỉnh H theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và Tài sản khác gắn liền với đất số BE 615546, BE 615545, BE 615543 và BE 615544, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00241/22366 do UBND thành phố Nha Trang cấp ngày 05/12/2011 (đăng ký thay đổi cho bà Đào Mộng L ngày 10/10/2016) cho các ông bà Nguyễn Đức H, Nguyễn Huy C, Đào Mộng L và Nguyễn Chánh P theo quy định pháp luật thành 4 phần đều nhau vì không ai có yêu cầu cũng như chứng minh được mình có phần đóng góp cao hơn người khác trong khối tài sản chung. Người nhận hiện vật sẽ phải thanh toán cho mỗi người còn lại ¼ giá trị tài sản bằng tiền. Về phần diện tích tăng thêm sau khi đo đạc, qua xác minh thấy không có tranh chấp về ranh giới, nên đề nghị giao cho người được nhận hiện vật để tiến hành thủ tục hợp thức hóa quyền sở hữu, sử dụng theo quy định. Về án phí: mỗi người được chia tài sản chung phải chịu án phí theo quy định, có khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn. Về chi phí định giá, thẩm định tài sản: bà Đào Mộng L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt; Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] **Về quan hệ tranh chấp:** Tài sản nhà và đất tại 17 Đ, phường T, thành phố T có nguồn gốc trước đây là di sản thừa kế của ông Nguyễn T và bà Phạm Thị Xuân L. Sau đó, các đồng thừa kế của T và bà L gồm có: Nguyễn Thị Thu H (Henlen N), Nguyễn Thị Liên H, Nguyễn Huy T đồng ý nhường quyền hưởng di sản thừa kế cho các ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Chánh P và ông Nguyễn Huy C. Ngày 17/10/2011, các ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Chánh P và ông Nguyễn Đức C đã ký thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, đồng ý nhận và toàn quyền sở hữu & sử dụng tài sản thừa kế nêu trên tại Văn phòng Công chứng số 1, số công chứng 301. Ngày 05/12/2011, các ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Chánh P và ông Nguyễn Đức C được UBND Thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và Tài sản khác gắn liền với đất số BE 615546, BE 615545, BE 615543 và BE 615544, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00241/22366. Đối với giấy chứng nhận số BE 615544 có sự chỉnh lý thay đổi người quản lý, sử dụng từ ông Nguyễn Đình T sang bà Đào Mộng L từ ngày 10/10/2016.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đức C có trưng ra biên bản họp gia đình ngày 12/9/2009 và đề nghị chia tài sản chung cho 7 anh anh em gồm có; bà Nguyễn Thị Thu H (Henlen N), bà Nguyễn Thị Liên H, ông Nguyễn Huy T, ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Chánh P và ông Nguyễn Huy C, trong đó ông C được 2 phần. Ông C cũng cung cấp địa chỉ của bà Nguyễn Thị Thu H (Henlen N), bà Nguyễn Thị Liên H, ông Nguyễn Huy T đều đang ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ án nêu trên đã xác định: các đồng thừa kế của ông T và bà L ba gồm cả bà H, bà H và ông T đều đã thống nhất nhường quyền hưởng di sản thừa kế cho các ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Chánh P và ông Nguyễn Huy C. Ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đình T, ông Nguyễn Chánh P và ông Nguyễn Đức C cũng đã làm thủ tục đăng ký chuyển quyền sở hữu, sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đối với khối tài sản này. Như vậy, việc ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đình T (sau này chuyển quyền cho bà Đào Mộng L), ông Nguyễn Chánh P và ông Nguyễn Đức C được sở hữu, sử dụng tài sản nhà đất tại 17 Đ, phường T, thành phố T là hoàn toàn hợp pháp. Do vậy, việc giải quyết tranh chia tài sản chung nêu trên không ảnh hưởng gì đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H, bà Hà và ông T.

[4] Khi Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa vì phát sinh yếu tố nước ngoài theo trình bày của ông Nguyễn Đức C nêu trên thì tại công văn số 60/CHS-VP ngày 24 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã chuyển trả hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang vì cũng cho rằng việc giải quyết vụ án tranh chấp tài sản nêu trên không ảnh hưởng gì đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H, bà Hà và ông T.

[5] Như vậy, theo tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện ông Nguyễn Đức H, Nguyễn Huy C, Nguyễn Chánh P và bà Đào Mộng L hiện là đồng sở hữu nhà đất tại 17 Đ, phường T, thành phố T, tỉnh H. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung nêu trên cho các đồng sở hữu quản lý, sử dụng là có cơ sở.

[6] Về giá trị tài sản tranh chấp: Tại buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thống nhất giá trị tài sản để chia là 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng). Tuy nhiên, tài phiên tòa, phía bị đơn vắng mặt nên không có cơ sở để công

nhận giá trị tài sản là 20.000.000.000 đồng. Hội đồng xét xử quyết định tính toán giá trị tài sản theo giá của Hội đồng định giá đã xác định để chia tài sản gồm có:

Đất: 250,3m^2 x 80.000.000 đồng/m^2 = 20.024.000.000 đồng

Nhà: 171,8 m^2 x 1.267.875 đồng/m^2 = 217.820.925 đồng

Tổng cộng giá trị tài sản: 20.241.820.925 đồng

[7] Các đương sự đều thống nhất chia tài sản chung nêu trên cho 4 đồng sở hữu thành những phần bằng nhau về giá trị, phía ông Nguyễn Đức C người đang trực tiếp quản lý sử dụng tài sản cũng không có yêu cầu gì về việc xem xét phần công sức đóng góp cho việc bảo quản tài sản, tại buổi hòa giải cũng đã yêu cầu chia các phần bằng nhau. Do vậy, phần giá trị mỗi người được hưởng trong khối tài sản chung là 20.241.820.925 đồng: 4 phần = 5.060.455.000 đồng (làm tròn).

[8] Về phương án chia tài sản: các đương sự đều thống nhất không phân chia hiện trạng tài sản mà để nguyên thành khối thống nhất, ai nhận hiện vật thì thanh toán phần giá trị bằng tiền cho các đồng sở hữu khác. Do tài sản chung về hiện vật cũng không thể phân chia thành 4 phần, nên chấp nhận giữ nguyên hiện vật. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Chánh P đồng ý nhận hiện vật, nên giao toàn bộ hiện vật cho ông P, ông P có nghĩa vụ thanh toán lại cho 3 đồng thừa kế còn lại mỗi người 5.060.455.000 đồng là hợp lý.

[9] Về hiện trạng tài sản tranh chấp: Theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và Tài sản khác gắn liền với đất số BE 615546, BE 615545, BE 615543 và BE 615544 thì nhà đất tại 17 Đ, phường T, thành phố T gồm có: căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng là 171,8m^2 nằm trên diện tích đất là 250,3m^2. Tuy nhiên, kết quả đo vẽ, kiểm tra hiện trạng nhà đất nêu trên theo ranh giới đương sự đang quản lý dưới sự chứng kiến của chính quyền địa phương thì phát hiện có sự chênh lệch diện tích, cụ thể: diện tích nhà là 179.9m^2 (tăng thêm 8.1m^2) và diện tích đất là 253.9m^2 (tăng thêm 3.6m^2). Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường T cho biết ranh giới đương sự sử dụng là rõ ràng, quá trình sử dụng ổn định và chưa phát sinh tranh chấp với các hộ liền kề. Xét thấy nguồn gốc tài sản các đương sự tranh chấp có quá trình sử dụng lâu dài, qua thẩm định tài sản không có sự thay đổi hiện trạng trong quá trình sử dụng. Tuy nhiên, phần diện tích này chưa được công nhận quyền sử dụng đất, nên tạm giao cả phần diện tích chênh lệch nhà, đất cho ông Nguyễn Chánh P quản lý, sử dụng cùng với phần hiện vật được giao.

[10] Về chi phí thẩm định tại chỗ: bà Đào Mộng L đã tạm ứng số tiền 5.830.000 đồng và không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

[11] Về án phí: Các đương sự chịu án phí tính trên giá trị tài sản chung được chia. Mỗi đương sự được hưởng giá trị 5.060.455.000 đồng nên phải chịu án phí là: 113.060.000 đồng/ 01 người. Ông Nguyễn Đức H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008085 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Nha Trang

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 219 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia tài sản chung là nhà và đất tại 17 Đ – phường T – thành phố T cho các đồng sở hữu là ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Huy C, ông Nguyễn Chánh P và bà Đào Mộng L như sau:

1. Giá trị tài sản nhà và đất tại 17 Đ – phường T – thành phố T là 20.241.820.925 đồng. Giá trị mỗi phần sở hữu mà các ông bà Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Huy C, ông Nguyễn Chánh P và bà Đào Mộng L được chia là 5.060.455.000 đồng (*Năm tỷ, không trăm sáu mươi triệu, bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*).

2. Về hiện vật: Giao cho ông Nguyễn Chánh P được toàn quyền sở hữu, sử dụng nhà và đất tại 17 Đ– phường T– thành phố T theo 04 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và Tài sản khác gắn liền với đất số BE 615546, BE 615545, BE 615543 số vào số cấp Giấy chứng nhận CH00241/22366 do UBND thành phố Nha Trang cấp ngày 05/12/2011 và số BE 615544 số vào số cấp Giấy chứng nhận CH00241/22366 do UBND thành phố Nha Trang cấp ngày 05/12/2011 đăng ký chỉnh lý thay đổi ngày 10/10/2016. Hiện trạng nhà và đất theo bản Sơ đồ Vị trí lô đất do Công ty TNHH Đại Cát Việt lập (đính kèm) trong đó có phần diện tích nhà: 8.1m^2 và diện tích đất 3.6m^2 chưa được công nhận quyền sử dụng đất.

3. Ông Nguyễn Chánh P có quyền, nghĩa vụ liên hệ các cơ quan chức năng để tiến hành thủ tục đăng ký quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản nhà và đất đã được giao tại 17 Đ, phường T, thành phố T theo Điều 2.

4. Về nghĩa vụ thanh toán: Ông Nguyễn Chánh P phải thanh toán cho các ông bà Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đức Cvà Đào Mộng L mỗi người **5.060.455.000 đồng** (*Năm tỷ, không trăm sáu mươi triệu, bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*).

5. <u>Án phí</u>: Các ông bà: Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Huy C, ông Nguyễn Chánh P và bà Đào Mộng L, mỗi người phải chịu **113.060.000 đồng** (*một trăm mười ba triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Đức H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008085 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Nha Trang. Do đó, ông H còn phải nộp số tiền án phí là **93.060.000 đồng** (*chín mươi ba triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng*).

6. <u>Quy định:</u>

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6.<u>Quyền kháng cáo</u>: nguyên đơn, ông Nguyễn Chánh P, bà Đào Mộng L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Nha Trang
- Đương sự
- THADS Tp Nha Trang
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiếu